TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 68/2023/QĐST-DS	*G, ngày 06 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Bưu Điện L (LPB); địa chỉ: Toà nhà Capitai Tower, số 109, Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật*: ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc. *Đơn vị được ủy quyền*: Ngân hàng TMCP Bưu Điện L – chi nhánh B. *Người đại diện theo ủy quyền:* bà Trần Ngọc P – Giám đốc chi nhánh B. *Người đại diện theo ủy quyền của bà P:* ông Nguyễn Phạm Thanh D, sinh năm 1992 – Chức vụ: chuyên viên; địa chỉ: số 368, Đại lộ Đồng Khởi, phường 4, thành phố B, tỉnh B.

- *Bị đơn*: 1. Ông Lê Văn E sinh năm 1958; địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện G, tỉnh B. *Người đại diện theo ủy quyền:* bà Đào Thị N sinh năm 1964; địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện G, tỉnh B.

2. Bà Đào Thị N sinh năm 1964; địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Lê Văn E và bà Đào Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện L (Ngân hàng TMCP Bưu Điện L – chi nhánh B đại diện nhận) tổng số tiền tính đến hết ngày 03/3/2023 là 193.663.191đ (một trăm chín mươi ba triệu

sáu trăm sáu mươi ba nghìn một trăm chín mươi mốt đồng). Gồm: dư nợ gốc: 187.449.992 đồng, lãi quá hạn: 6.213.199 đồng.

- Ngân hàng TMCP Bưu Điện L (Ngân hàng TMCP Bưu Điện L – chi nhánh B đại diện) được tiếp tục tính tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: HDTD84020200304 ngày 09/6/2020 và khế ước nhận nợ số 84020200304/01 ngày 12/6/2020 và các cam kết ký kết với Ngân hàng từ ngày 04/3/2023 cho đến khi trả tất nợ.

- Trường hợp ông E, bà N không trả được nợ, Ngân hàng TMCP Bưu Điện L (Ngân hàng TMCP Bưu Điện L – chi nhánh B đại diện) có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số: 162/2020/HĐTC/CNBenTre ngày 09/6/2020 theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp đã ký và đúng quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 736780, số vào sổ cấp GCN CH02874 do UBND huyện G cấp cho bà Đào Thị N ngày 25/12/2018 thửa đất 112, tờ bản đồ 14, diện tích 136,9m^2, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, toạ lạc tại xã H, huyện G, tỉnh B;

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (193.663.191đ x 2,5%):

Ghi nhận việc ông Lê Văn E và bà Đào Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 4.841.580đ (bốn triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi đồng). Tuy nhiên do ông E thuộc đối tượng người cao tuổi, bà N là thân nhân (con) liệt sĩ và có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên được miễn nộp phần án phí theo quy định là 2.420.790đ (hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn bảy trăm chín mươi đồng). Do đó, ông E và bà N phải liên đới nộp phần án phí nộp thay là 2.420.790đ (hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn bảy trăm chín mươi đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện L (Ngân hàng TMCP Bưu Điện L – chi nhánh B đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.841.000đ (bốn triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003325 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên